CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI VŨ ĐĂNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 05/2021/CBTT-VĐ	*Thái Bình, ngày 01 tháng 4 năm 2021*

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM

Kính gửi: **- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng
- Mã chứng khoán: SVD
- Địa chỉ trụ sở chính: Cụm Công nghiệp Đông Phong, xã Đông Quan, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
- Điện thoại: 0903 022 222
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông Vũ Hoàng Nam
- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Loại thông tin công bố : ☒ định kỳ ☐ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố (*)

Ngày 01/04/2021, Công ty CP ĐT & TM Vũ Đăng công bố báo cáo thường niên năm 2020.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 01/04/2021 tại đường dẫn https://vudang.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin /

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

Tài liệu đính kèm
- *Báo cáo thường niên năm 2020*

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC

VŨ TUẤN PHƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI VŨ ĐĂNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thái Bình, ngày 01 tháng 04 năm 2021

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng

Năm báo cáo: 2020

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0600986828
- Vốn điều lệ: 129.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 129.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Đông Phong, xã Đông Quan, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
- Số điện thoại: 0903. 022.222
- Website: https://vudang.vn/
- Mã cổ phiếu: SVD
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng được thành lập ngày 05/4/2013 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0600986828 do Sở KH&ĐT tỉnh Nam Định cấp với vốn điều lệ ban đầu là 5 tỷ đồng.

Công ty nhận được Giấy phép xây dựng số 29/2018/GPXD ngày 11/04/2018 và Giấy phép xây dựng số 13/2019/GPXD của Sở Xây dựng tỉnh Thái Bình chấp thuận cho Công ty thực hiện Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sợi tại Cụm Công nghiệp Đông Phong, xã Đông Phong (nay là xã Đông Quan), huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Ngày 19/12/2019, Công ty nhận được quyết định số 3770/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt chủ trương điều chỉnh đầu tư Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất sợi tại Cụm Công nghiệp Đông Phong, xã Đông Phong, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, nâng công suất lên 9.438 tấn/năm, tăng 2,75 lần so với công suất ban đầu.

Đến nay, sau 3 lần phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, Công ty đã đạt quy mô vốn điều lệ 129 tỷ đồng. Trong quá trình phát triển, Công ty đã tạo được tiếng vang tốt không chỉ đối với đối tác khách hàng mà còn tạo được uy tín tốt đối với nhân dân địa phương và nhà đầu tư.

Ngày 24/4/2020, Công ty chính thức trở thành Công ty đại chúng theo công văn số 2776/UBCK-GSĐC ngày 24/4/2020 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Ngày 05/05/2020, Công ty được Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng

nhận đăng ký chứng khoán số 27/2020/GCNCP-VSD với mã chứng khoán là SVD, tổng số lượng cổ phiếu đăng ký lưu ký là 12.900.000 cổ phiếu

Ngày 23/12/2020, Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 850/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh, tổng số lượng cổ phiếu niêm yết là 12.900.000 cổ phiếu.

Ngày 02/02/2021, cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch theo thông báo số 81/TB-SGDHCM ngày 18/1/2021 của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh với giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là 12.300 đồng/cổ phiếu.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh

  + Sản xuất sợi

  + Bán buôn bông các loại

- Địa bàn kinh doanh: cung cấp cho thị trường nội địa và xuất khẩu. Trong đó chủ yếu xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc và Nhật Bản

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Công ty hiện tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc

– Cơ cấu bộ máy quản lý

Sơ đồ 1: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

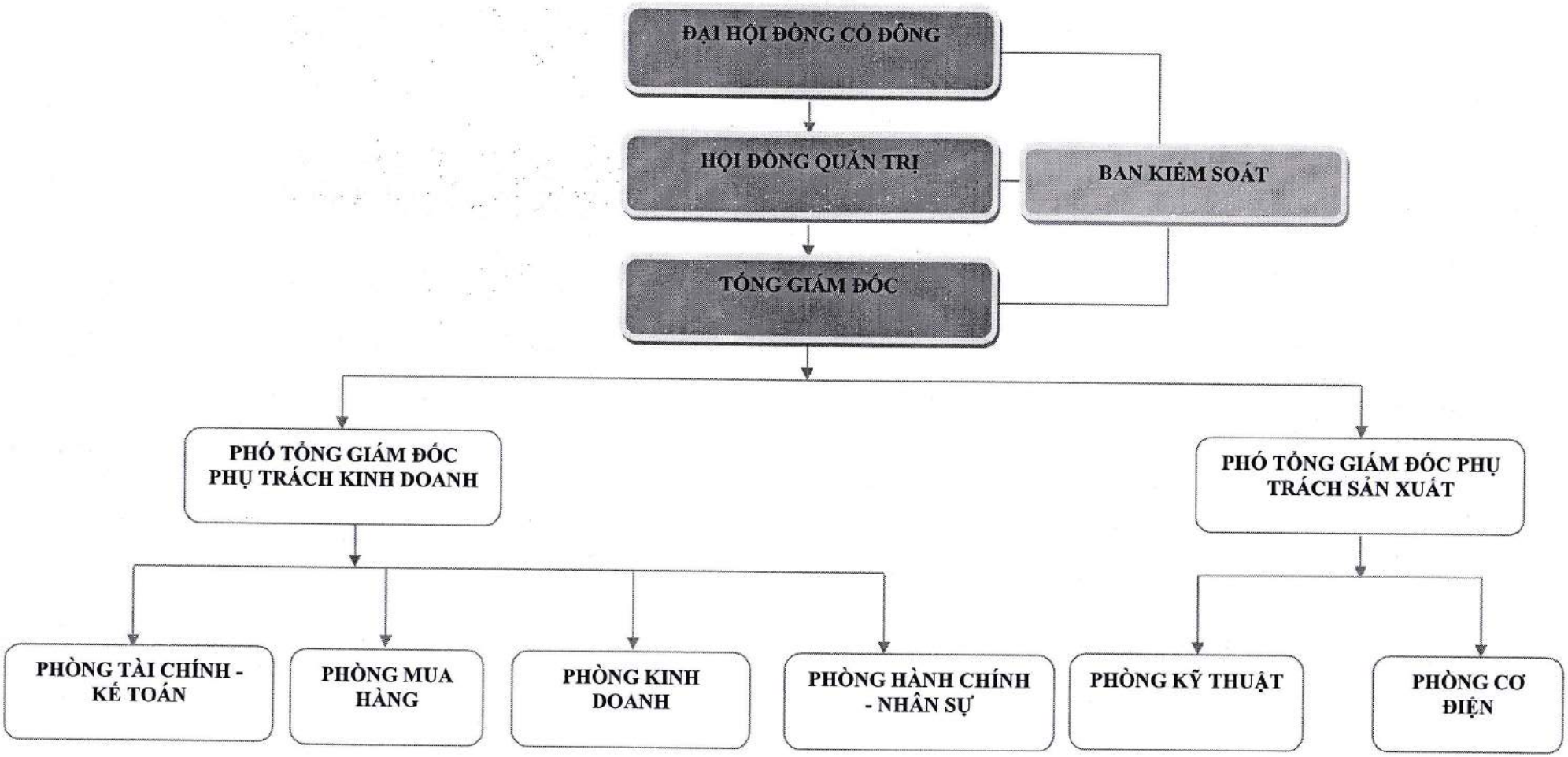

- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

  + Định vị thương hiệu Công ty bằng việc hoạch định chiến lược marketing năng động, tối ưu. Chú trọng công tác bảo vệ và phát triển thương hiệu, duy trì mối quan hệ tốt với cộng đồng doanh nghiệp, chính quyền các cấp để phát triển tốt hình ảnh doanh nghiệp, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi

  + Công ty định hướng lấy công nghệ hiện đại làm nền tảng cho sự phát triển và lấy chất lượng sản phẩm làm trung tâm

  + Định hướng phát triển nguồn nhân lực để tạo lợi thế cạnh tranh. Công ty xây dựng chính sách lương thưởng cạnh tranh, các chế độ đãi ngộ cho nhân viên và người thân, các chính sách phát triển nghề nghiệp trên tinh thần cởi mở, hợp tác để người lao động yên tâm công tác.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn

  + Cung cấp những sản phẩm chất lượng với giá cả cạnh tranh

  + Chú trọng việc xây dựng quan hệ đối tác lâu dài với cả khách hàng và nhà cung ứng

  + Không ngừng nâng cao trình độ kỹ thuật và tay nghề của người lao động

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

  + Hoạt động sản xuất gắn liền với bảo vệ môi trường, luôn cải tiến, đổi mới công nghệ sản xuất nhằm tiết kiệm năng lượng, giảm hao phí nguyên vật liệu và giảm chất thải ra môi trường

  + Tuân thủ đúng các quy định pháp luật về an toàn lao động, đảm bảo quyền lợi của người lao động, nâng cao thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống cho người lao động

  + Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng, đóng góp cho sự phát triển của xã hội, nâng cao uy tín doanh nghiệp

5. Các rủi ro

5.1. Rủi ro kinh tế

Yếu tố vĩ mô của nền kinh tế đóng vai trò quan trọng trong quá trình tăng trưởng của doanh nghiệp. Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô với các yếu tố cơ bản tác động tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái v.v... Sự biến động của các yếu tố này thường mang tính tác động hệ thống tới đa số các ngành nghề trong nền kinh tế. Phân tích môi trường vĩ mô nền kinh tế nhằm dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành của doanh nghiệp.

❖ **Triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới**

Khép lại năm 2020, "bức tranh" kinh tế toàn cầu đã trải qua một năm đầy biến động với chủ yếu

"gam màu tối" về tăng trưởng kinh tế. 2020 cũng là năm tồi tệ nhất trong lịch sử kinh tế thế giới, thậm chí còn thảm hại hơn cả cuộc đại khủng hoảng kinh tế 1929-1933. Nếu như cuộc đại khủng hoảng 1929-1933 có khoảng 83,8% nền kinh tế trên thế giới rơi vào suy thoái, thì năm 2020 tỷ lệ này lên tới 92,9%. Con số này cho thấy, tác động tiêu cực trên diện rộng của đại dịch Covid-19 khi hầu hết của các nền kinh tế đạt mức tăng trưởng âm. Tăng trưởng các nền kinh tế đang phát triển và mới nổi lần đầu tiên giảm trong 60 năm qua (-2,5%) trong khi mức suy giảm ở các nền kinh tế tiên tiến ở mức (-7%) trong năm 2020.

Theo ước tính của Ngân hàng Thế giới (WB), GDP toàn cầu năm 2020 giảm 4,3% so với năm 2019, GDP đầu người theo đó cũng giảm 6,2%. Cũng theo dự báo của WB, năm 2021, tăng trưởng kinh tế toàn cầu chưa thể hồi phục như mức trước khủng hoảng của năm 2019.

❖ **Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam**

Do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19, tăng trưởng GDP năm 2020 đạt 2,91%, là mức tăng trưởng thấp nhất trong vòng 10 năm trở lại đây. Trong đó, quý 1 tăng 3,68%, quý 2 tăng 0,39%, quý 3 tăng 2,69%, quý 4 tăng 4,48%. Trong mức tăng GDP chung toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,68%, đóng góp 13,5%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,98%, đóng góp 53%; khu vực dịch vụ tăng 2,34%, đóng góp 33,5% vào tốc độ tăng GDP của cả nước. Tuy mức tăng trưởng GDP năm 2020 thấp nhất trong vòng 10 năm trở lại đây nhưng Việt Nam thuộc nhóm nước có tăng trưởng cao nhất thế giới. Trong bối cảnh dịch Covid-19 ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế xã hội thì đây là thành công lớn.

Là một Công ty hoạt đông trong lĩnh vực sản xuất sợi, kết quả kinh doanh của Công ty chịu tác động trực tiếp bởi tình hình sản xuất công nghiệp, thương mại trong nước và quốc tế. Do đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế là công cụ quan trọng để Công ty dự báo các chiến lược phát triển cho từng thời kỳ nhất định. Trước bất kỳ thay đổi nào của nền kinh tế thế giới nói chung cũng như Việt Nam nói riêng, Ban Lãnh đạo luôn tiến hành phân tích, nghiên cứu và đưa ra các hành động cụ thể cho từng giai đoạn phát triển của Công ty. Vì vậy, hoạt động sản xuất kinh doanh trong những năm vừa qua luôn bám sát nhu cầu của thị trường và phù hợp với năng lực tài chính của Công ty.

❖ **Lạm phát**

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2020 tăng 0,1% so với tháng trước, có 7/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chủ yếu có CPI tháng 12 tăng so với tháng trước, trong đó nhóm giao thông tăng cao nhất 2,45%. Quý IV/2020, CPI tăng 0,22% so với quý trước và tăng 1,38% so với quý IV/2019. CPI bình quân năm 2020 tăng 3,23% so với bình quân năm 2019, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra là dưới 4%. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2020 tăng 2,31% so với bình quân năm 2019.

Đối với doanh nghiệp kinh doanh sản xuất sợi, chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua chi phí đầu vào, đặc biệt là chi phí điện nước và nhân công. Để giảm thiểu ảnh hưởng của lạm phát đến hoạt động, Ban Lãnh đạo Công ty luôn chủ động tăng

cường các hoạt động kiểm soát định mức chi phí và quản lý biến động giá cả đầu vào nhằm giảm thiểu tối đa các rủi ro có thể phát sinh do ảnh hưởng của lạm phát.

❖ **Lãi suất**

Rủi ro lãi suất xảy ra khi doanh nghiệp sử dụng vốn vay từ ngân hàng dẫn đến chi phí đi vay tăng ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Trong những năm qua, lãi suất trên thị trường biến động không ngừng với nhiều những chính sách được ban hành như thắt chặt chính sách tiền tệ, áp trần lãi suất…đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Năm 2020, trước những ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch bệnh, Ngân hàng Nhà nước đã điều chỉnh giảm 1,5-2,0%/năm lãi suất điều hành, sẵn sàng hỗ trợ thanh khoản, tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng tiếp cận nguồn vốn chi phí thấp từ Ngân hàng Nhà nước; giảm 0,6-1,0%/năm trần lãi suất tiền gửi VND các kỳ hạn dưới 6 tháng, giảm 1,5%/năm trần lãi suất cho vay ngắn hạn VND đối với các lĩnh vực ưu tiên để hỗ trợ giảm chi phí vay vốn của doanh nghiệp, người dân.

Việc mặt bằng lãi suất đang được điều hành theo hướng ổn định và giảm dần có tác động tích cực tới Công ty theo hướng tiết giảm chi phí tài chính. Bên cạnh đó, Ban Lãnh đạo Công ty luôn chủ động tìm kiếm các nguồn vay mới với lãi suất hợp lý cũng như theo dõi chặt chẽ biến động của lãi suất để điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch dòng tiền phù hợp, đảm bảo giảm thiểu tối đa các rủi ro về lãi suất.

❖ **Tỷ giá**

Rủi ro tỷ giá là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp.

Từ đầu năm 2020 cho đến trước Tết Nguyên đán, trong điều kiện nguồn cung ngoại tệ dồi dào và thị trường quốc tế thuận lợi, tỷ giá thị trường khá ổn định, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục mua được lượng lớn ngoại tệ, tăng dự trữ ngoại hối. Sau Tết Nguyên đán, mặc dù thị trường ngoại tệ chịu áp lực nhất định từ các diễn biến liên quan đến dịch COVID-19 nhưng tỷ giá biến động không quá lớn. Tính chung cả năm 2020, diễn biến tỉ giá không giống như những năm trước, vì VND thậm chí đã tăng giá nhẹ khoảng 0,2% so với USD, trong khi thị trường ngoại hối gần như không có áp lực cuối năm.

Để hạn chế ảnh hưởng và rủi ro biến động tỷ giá đến lợi nhuận, Công ty đã đề ra kế hoạch tăng cường việc xuất khẩu hàng hóa, thu nhiều ngoại tệ hơn để cân đối nguồn ngoại tệ chi ra.

5.2. Rủi ro pháp lý

Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đănghoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, đã trở thành Công ty đại chúng, tiến hành niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nên Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Luật và các văn bản dưới luật trong các lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, do đó sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và ít nhiều ảnh hưởng tới hoạt

động quản trị, kinh doanh của Công ty.

Hiện nay hệ thống pháp luật của nước ta chưa ổn định và nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành vẫn chưa hoàn chỉnh và đang trong giai đoạn hoàn thiện nên còn nhiều sửa đổi bổ sung dẫn đến có nhiều sự thay đổi và có thể phát sinh bất cập, ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Do vậy, để hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, Công ty luôn theo dõi, nghiên cứu và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của mình, đồng thời tham khảo và thuê tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Công ty.

5.3. Rủi ro về biến động giá trên Thị trường chứng khoán

Việc niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM sẽ giúp quảng bá hình ảnh thương hiệu của Công ty đến các nhà đầu tư, nhất là nhà đầu tư nước ngoài.Từ đó, Công ty sẽ có cơ hội tiếp cận với những nguồn vốn mới để thúc đẩy các kế hoạch phát triển kinh doanh mới trong tương lai.

Tuy nhiên, sau khi được chấp thuận niêm yết, cổ phiếu của Công ty sẽ chính thức giao dịch và giá cổ phiếu được xác định theo cung cầu thị trường. Giá cổ phiếu chịu tác động từ rất nhiều yếu tố như tình hình hoạt động của Công ty, tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, những thay đổi về luật pháp trong lĩnh vực chứng khoán, tâm lý nhà đầu tư. Do đó, những biến động về giá cổ phiếu là yếu tố khó lường mà nhà đầu tư cần tính đến.

5.4. Rủi ro đặc thù

❖ **Rủi ro biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào**

Với lĩnh vực sản xuất sợi, bông là nguyên liệu đầu vào chiếm tỷ trọng 70% giá thành sợi thành phẩm. Tuy nhiên, bông là sản phẩm nông nghiệp do đó chất lượng, số lượng và giá cả bông phụ thuộc và vụ mùa, thời tiết, chính sách điều tiết sản lượng cung ứng của các khu vực lớn trên thế giới như Trung Quốc, Mỹ, Châu Phi.....Trong khi đó sản lượng sản xuất bông hiện nay của Việt Nam là thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu cung cấp nguồn nguyên liệu cho ngành dệt may. Nguồn nguyên liệu của ngành chủ yếu vẫn phải nhập khẩu, kéo theo hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành cũng như Công ty phụ thuộc nhiều vào thị trường cung cấp nguồn nguyên liệu của nước ngoài. Theo ước tính của Ủy ban tư vấn bông quốc tế, tính từ đầu năm 2020, giá bông đã sụt giảm khoảng 18% do tác động của đại dịch Covid - 19 với việc đóng cửa của các nhà máy dệt, nhất là sự sụt giảm mức cầu 12% trong cả năm 2020 sau khi một nửa dân số thế giới bị cách li cùng với sự suy thoái của kinh tế thế giới.

Để giảm thiểu rủi ro từ biến động giá nguyên vật liệu đầu vào đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã chủ động tìm kiếm, mở rộng nguồn cung cấp nguyên vật liệu để không phụ thuộc quá nhiều vào bất kỳ nhà cung cấp nào. Nhà cung cấp của Công ty đều là các đơn vị cung cấp bông

uy tín trên thị trường, đảm bảo nguồn nguyên liệu cả về chất lượng lẫn số lượng.

Ngoài ra, Công ty cũng chủ động điều chỉnh giá bán theo sự biến động của giá nguyên vật liệu tại từng thời điểm khác nhau, đảm bảo sự biến động giá của nguyên vật liệu không gây ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận của Công ty.

❖ **Rủi ro cạnh tranh**

Rủi ro cạnh tranh là rủi ro mất khả năng cạnh tranh của của doanh nghiệp trên thị trường. Trong những năm gần đây, Việt Nam là một trong rất ít các quốc gia tại châu Áđã mở rộng hoạt động sản xuất của ngành kéo sợi. Không chỉ có các nhà đầu tư nước ngoài như Texthong Group (Hồng Kông), Kuyng Bang Việt Nam (Hàn Quốc), Itochu (Nhật Bản) mà các doanh nghiệp lớn trong nước như Vinatex, Đại Cường, Phú Bài, Thiên Nam cũng đã tăng vốn đầu tư vào ngành công nghiệp này. Hầu hết các doanh nghiệp xuất khẩu phần lớn lượng sợi sản xuất ra. Vì vậy, tình hình cạnh tranh về giá bán ngày càng gay gắt. Không chỉ thế, việc các hiệp định thương mại tự do được ký kết và có hiệu lực không chỉ tạo ra cơ hội mà cũng thêm nhiều thách thức đối với các doanh nghiệp dệt may do họ phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt từ các doanh nghiệp mới (cả trong nước và nước ngoài) thành lập hoặc mở rộng nhà máy tại Việt Nam để được hưởng lợi ích từ các hiệp định này.

Để duy trì được năng lực cạnh tranh so với các đối thủ cùng ngành không chỉ ở trong nước mà còn ở toàn cầu, chiến lược của Công ty là cung cấp sản phẩm chất lượng tốt nhất với mức giá cạnh tranh và dịch vụ hậu mãi tốt. Công ty đã thực hiện đầu tư máy móc hiện đại, đào tạo đội ngũ lao động lành nghề và áp dụng các biện pháp kiểm soát chặt chẽ chất lượng cũng như chi phí.

❖ **Rủi ro từ thị trường Trung Quốc**

Trung Quốc hiện là thị trường xuất khẩu sợi lớn nhất của Việt Nam. Trong 2 tháng đầu năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 khiến các nhà máy dệt tại Trung Quốc phải ngưng hoạt động, từ đó giảm nhu cầu nhập khẩu sợi từ Việt Nam. Tính chung trong 2 tháng đầu năm 2020 xuất khẩu xơ sợi tăng 5,5% về lượng so với cùng kỳ năm 2019, đạt 253.789 tấn, giá trị thu về giảm 7,2%, đạt 577,9 triệu USD.Giá xơ sợi xuất khẩu trong tháng 2/2020 tăng 1,6% so với tháng 1/2020 nhưng giảm 12,9% so với tháng 2/2019, đạt trung bình 2.292,3 USD/tấn. Tính chung trong cả 2 tháng đầu năm 2020, giá xuất khẩu giảm 12,1% so với cùng kỳ năm 2019, đạt 2.277 USD/tấn. Tính đến thời điểm hiện tại, tình hình dịch bệnh đã bắt đầu được kiểm soát tại thị trường Trung Quốc, nguồn cung nguyên liệu đầu vào cho các doanh nghiệp may và đầu ra cho các doanh nghiệp sợi đã dần ổn định trở lại.

Tuy nhiên, tình hình dịch bệnh lại dần trở nên nghiêm trọng tại Mỹ và EU (hai thị trường tiêu thụ hàng may mặc lớn nhất thế giới) và hiện chưa có dấu hiệu được kiểm soát. Theo dự báo quý 2/2020 là giai đoạn đỉnh điểm của tình trạng thiếu hụt đơn hàng sản xuất của tất cả các doanh nghiệp trong ngành và tình trạng này còn kéo dài đến quý III/2020 hay không hoàn toàn phụ thuộc vào tình hình kiểm soát dịch bệnh tại các quốc gia này. Các sản phẩm sợi của Công ty được xuất

sang Trung Quốc chủ yếu phục vụ cho việc sản xuất vải tại quốc gia này để xuất khẩu sang châu Mỹ và châu Âu. Vì vậy, khi các quốc gia này cắt giảm hoặc hoãn đơn hàng gây ảnh hưởng trực tiếp đến thị trường xuất khẩu vải của Trung Quốc và gây ảnh hưởng gián tiếp đến hoạt động xuất khẩu sợi của Công ty.

Như vậy, với việc 100% sợi sản xuất phục vụ việc xuất khẩu của Công ty được phân phối tại thị trường Trung Quốc thì bất cứ biến động nào của nền kinh tế Trung Quốc cũng gây ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Để giảm thiểu những rủi ro từ việc xuất sợi sang thị trường Trung Quốc, ban Lãnh đạo Công ty đã chủ động tìm kiếm các đối tác khác tại các thị trường như Hàn Quốc, Thái Lan, Nhật Bản... để phục vụ việc xuất khẩu. Đặc biệt, thị trường xuất khẩu khăn sang Nhật Bản của Công ty đang được đánh giá có tiềm năng phát triển tương đối lớn và được chú trọng đẩy mạnh trong thời gian tới.

5.5. Rủi ro dịch bệnh

Năm 2020 là năm nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế trong nước nói riêng chịu ảnh hưởng nặng nề từ rủi ro dịch bệnh. Dịch Covid-19 được dự báo sẽ còn tiếp tục ảnh hưởng trong những năm tiếp theo. Hậu quả dẫn đến khủng hoảng thị trường lao động, các ngành hàng dịch vụ - hàng không điêu đứng, thương mại toàn cầu đình trệ, chuỗi cung ứng đứt gãy... Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp cũng đã ảnh hưởng đến các đơn hàng xuất khẩu của Công ty ngay từ những tháng đầu năm 2020.

Tuy nhiên, với các biện pháp phòng chống dịch kịp thời và hiệu quả, Việt Nam đã và đang trở thành điểm sáng thu hút các nguồn đầu tư nước ngoài. Bên cạnh đó, tính đến nay, thị trường sợi đang khởi sắc khi giá sợi tăng cao và đơn hàng sôi động trở lại. Hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty được dự báo sẽ có những bước tăng trưởng đáng kể trong thời gian tới.

5.6. Rủi ro khác

Bên cạnh đó, một số rủi ro mang tính bất khả kháng, ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như rủi ro do thiên tai, dịch bệnh, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh... Những rủi ro này dù ít hay nhiều đều có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả kinh doanh của công ty. Công ty thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho các tài sản, hàng hóa của Công ty vàcủa khách hàng để hạn chế bớt các rủi ro này.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng 1: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	% thực hiện kế hoạch
Doanh thu thuần	350.000.000.000	330.366.228.794	94,39
Lợi nhuận sau thuế	12.000.000.000	4.752.999.751	39,61
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,42%	1,43	41,96
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	9,3%	7,92	39,61

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng)

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 tuy chưa đạt được như kế hoạch đặt ra nhưng trong điều kiện nền kinh tế khó khăn, dịch bệnh diễn biến phức tạp thì kết quả này đã phản ánh được sự nhạy bén, thích ứng linh hoạt của Công ty.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

STT	Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại ngày 31/12/2020 (%)
1	Vũ Tuấn Phương	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	51,00
2	Mai Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	0,23
3	Vũ Hoàng Nam	Phó Tổng Giám đốc, Người được ủy quyền CBTT	0,00
4	Trịnh Thị Như Quỳnh	Kế toán trưởng	0,00

2.2. Tóm tắt lý lịch thành viên Ban Điều hành

❖ **Ông Vũ Tuấn Phương - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc**

- Ngày tháng năm sinh : 22/12/1976
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ tài chính
- Quá trình công tác

2000 - 3/2003 : Nhân viên tại Công ty Bảo hiểm Pjico

2003 - 3/2008 : Giám đốc chi nhánh Công ty Vạn Tường

4/2008 - 2013 : Phó Tổng Giám đốc Công ty Bảo hiểm MIC

11/2010 - 11/2017 : Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Vượng

2013 - 11/2017	: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng
12/2017 - 3/2020	: Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng
5/2015 - 3/2020	: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng
4/2020 - nay	: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng

❖ **Ông Mai Anh Tuấn - Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc**

- Ngày tháng năm sinh : 20/01/1972
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư chuyên ngành kéo sợi
- Quá trình công tác

1996 - 2013	: Cán bộ kỹ thuật sợi tại Công ty TNHH Bình Minh (Bitexco)
2013 - 4/2018	: Quản đốc phân xưởng Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng
5/2015 - 3/2020	: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng
5/2018 - 3/2020	: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng
4/2020 - nay	: Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng

❖ **Ông Vũ Hoàng Nam - Phó Tổng Giám đốc, Người được Ủy quyền CBTT**

- Ngày tháng năm sinh : 22/6/1978
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác

9/2009 - 8/2019	: Giám đốc Công ty Vạn Tường - Quân khu 5
9/2019 - 3/2020	: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng
4/2020 - nay	: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng
5/2020 - nay	: Người được ủy quyền CBTT Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng

❖ **Bà Trịnh Thị Như Quỳnh - Kế toán trưởng**

- Ngày tháng năm sinh : 09/9/1989
- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán
- Quá trình công tác

7/2011 - 5/2013 : Nhân viên kế toán Công ty cổ phần dụng cụ thể dục thể thao PACIFIC

6/2013 - 6/2016 : Kế toán tổng hợp Công ty cổ phần dụng cụ thể dục thể thao PACIFIC

7/2016 - 12/2018 : Kế toán trưởng Công ty cổ phần dụng cụ thể dục thể thao PACIFIC

01/2019 - 6/2020 : Phó phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng

7/2020 - nay : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng

2.3. Thay đổi trong Ban điều hành trong năm

Ngày 16/7/2020, Bà Trịnh Thị Như Quỳnh được bổ nhiệm chức vụ kế toán trưởng thay cho bà Hoàng Thu Hương

2.4. Chính sách đối với người lao động

Bảng 2: Cơ cấu lao động tại thời điểm 31/12/2020

STT	Trình độ	Số người	Tỷ lệ (%)
1	Trên đại học	2	1,05
2	Trình độ đại học và tương đương	26	13,68
3	Trình độ khác	162	85,26
	Tổng cộng	**190**	**100**

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng)

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư:

Trong năm 2020, Công ty đã đầu tư bổ sung một số máy móc thiết bị gồm:

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1.	Máy cung bông Saurer Jintan	Hệ thống	1
2.	Máy chải JSC 326	Chiếc	10
3.	Máy ghép Rieter RSB-D50	Chiếc	5
4.	Máy kéo sợi OE TQF368 + máy cắt lọc Kingray35	Chiếc	8

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
5.	Máy lọc bụi tổ ong JYFO-III-8	Chiếc	2
6.	Máy lọc bụi tổ ong JYFO-III-7	Chiếc	1
7.	Máy đóng kiện nằm	Chiếc	2
8.	Máy kiểm tra độ đều sợi CT3000	Chiếc	1
9.	Xe nâng CPCD25	Chiếc	1
10.	Máy bọc kim FIS-1500	Chiếc	1
11.	Máy mài kim mui FJS-1500U	Chiếc	1
12.	Máy dò tách lọc xơ ngoại lai	Chiếc	1
13.	Ổn áp 3P ngâm dầu - 1500KVA - 1 chiếc	Chiếc	1
14.	Lắp đặt trạm biến áp 1500KVA 10/22/0.4 KV	Chiếc	1

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng)

Bên cạnh đó, trong năm 2020, Công ty cũng thực hiện đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất sợi tại Cụm Công nghiệp Đông Phong, xã Đông Quan, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình theo quyết định số 3770/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình với quy mô như sau:

- Công suất thiết kế: Sản xuất sợi OE sản lượng 9.438 tấn/năm
- Công trình xây dựng: Cải tạo Nhà hành chính + nhà ăn ca thành 02 tầng; Cải tạo Xưởng sản xuất + Kho thành phẩm + Kho nguyên liệu thành Xưởng sản xuất; Xây dựng mới Kho số 01; Xây dựng mới Kho số 02; Xây dựng mới Nhà cơ khí, Kho chất thải nguy hại, Khu tập kết chất thải rắn, Khu phụ trợ.
- Diện tích đất sử dụng: 19.985,4 m^2

Đến nay, tiến độ xây dựng đạt 100% và đã đi vào hoạt động ổn định. Sản phẩm đã được xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc và tiêu dùng trong nước.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng (giảm)
Tổng giá trị tài sản	312.592.650.520	432.303.999.285	38,3

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng (giảm)
Doanh thu thuần	270.174.886.710	330.366.228.794	22,28
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	9.609.102.704	7.792.267.604	(18,91)
Lợi nhuận khác	(22.330.233)	(1.689.454.827)	7.466
Lợi nhuận trước thuế	9.586.772.471	6.102.812.777	(36,34)
Lợi nhuận sau thuế	7.482.047.729	4.752.999.751	(36,47)

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	2,09	1,23	
+ Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	Lần	1,29	0,87	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản		0,55	0,67	
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu		1,24	1,99	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Lần	4,60	5,34	
+ Vòng quay tổng tài sản Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	1,06	0,89	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,77	1,44	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	%	7,75	3,34	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,93	1,28	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	3,56	2,36	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 12.900.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 6.639.800 cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 6.260.200 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông Công ty tại ngày 31/12/2020

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	00	00	00	00	00
2	Cổ đông lớn	6.579.000	51,00	01	00	01
	- Trong nước	*6.579.000*	*51,00*	*01*	*00*	*01*
	- Nước ngoài	*00*	*00*	*00*	*00*	*00*
3	Công đoàn Công ty	00	00	00	00	00
4	Cổ phiếu quỹ	00	00	00	00	00
5	Cổ đông khác	6.321.000	49,00	313	00	313
	- Trong nước	*6.321.000*	*49,00*	*313*	*00*	*313*
	- Nước ngoài	*00*	*00*	*00*	*00*	*00*
TỔNG CỘNG		**12.900.000**	**100,00**	**314**	**00**	**314**
Trong đó: - Trong nước		***12.900.000***	***100,00***	***314***	***00***	***314***
	- Nước ngoài	***00***	***00***	***00***	***00***	***00***

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2020, Công ty không thực hiện tăng vốn

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Bảng 4: Nguồn nguyên vật liệu sử dụng trong năm 2020

STT	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị	Số lượng nguyên vật liệu sử dụng trong năm 2020
1.	Bông bụi trắng	kg	2.836.915,5
2.	Bông bụi tẩy trắng	kg	337.777,6
3.	Bông Cotton	kg	17.770
4.	Bông Phế	kg	24.410
5.	Bông chải kỹ trắng	kg	210.865,8
6.	Bông rơi máy chải kỹ (Comber noil)	kg	20.244,6
7.	Bông chưa chải thô, chải kỹ	kg	53.998,8
8.	Bông rơi chải kỹ	kg	26.046,6
9.	Bông phế B1	kg	327.820,6
10.	Phế liệu bông loại 2-3 trắng không nhuộm	kg	62.240
11.	Bông B1 - bông rơi chải kỹ	kg	90.132,60
12.	Bông phế F3	kg	56.397,60
13.	Bông B1 - bông rơi máy chải kỹ	kg	23.540
14.	Bông phế (Loại bông gầm máy C)	kg	65.460
15.	Bông phế F2	kg	124.646,5
16.	Bông phế F1	kg	8.713
17.	Bông phế - bông rơi chải kỹ	kg	67.597,1
18.	Bông phế - F	kg	7.879
19.	Bông bụi tẩy trắng hóa học	kg	61.250
20.	Xơ polyester Tairilin (SNNSD014038NRT611435/A)	kg	8.280
21.	Xơ polyester Tairilin (SNNSD014038NRT611437/A)	kg	8.278
22.	Xơ polyester Tairilin (SNNSD014038NRT611439/A)	kg	8.283

STT	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị	Số lượng nguyên vật liệu sử dụng trong năm 2020
23.	Bông rơi máy chải kỹ (bông B1-100% cotton comber noil)	kg	33.501,8
24.	Xơ Polyester Tairilin (SNNSD014038NRT611479/A)	kg	16.559
25.	Xơ Polyester Tairilin (SNNSD014038NRT611481/A)	kg	13.967,7
26.	Xơ Polyester Tairilin (SNNSD014038NRT611483/A)	kg	347.00
27.	Xơ Polyester Tairilin (SNNSD014038NRT611469/A)	kg	12.539,8
28.	Bông B2 -(Bông phế kim mui máy chải)	kg	104.057,4
29.	Xơ tổng hợp từ các Polyester chưa chải thô, chưa chải kỹ hoặc chưa gia công cách khác để kéo sợi (1.3 denierx38mm, semi Dull, Grade A)	kg	50.325,6
30.	Bông phế F1, F2	kg	81.475
31.	Bông B2	kg	26.030.8
32.	Xơ Polyester Tairilin (SNNSD014038NRT611579/A)	kg	14,145.00
33.	Xơ Polyester Tairilin (SNNSD014038NRT611495/A)	kg	15.180
34.	Bông B1 (comber noil)	kg	52.409
35.	Bông cotton (B2)	kg	14.640
36.	Bông xơ đã chải thô, chải kỹ (FK)	kg	119.287
37.	Bông xơ đã chải thô, chải kỹ (FS)	kg	193.343
38.	Bông chải thô	kg	285.443,5
39.	Bông phế F	kg	19.653,5
40.	Bông thiên nhiên (xơ bông) đã qua chải thô, chải kỹ (Ấn Độ)	kg	88.136
41.	Xơ polyester Tairilin	kg	13.803,8
42.	Bông rơi máy chải kỹ	kg	9.210
43.	Bông B1	kg	15.700
44.	Bông xơ đã chải thô, chải kỹ	kg	96.670,3
45.	Bông phế B2	kg	6.883,6

STT	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị	Số lượng nguyên vật liệu sử dụng trong năm 2020
46.	Bông phế bông rơi chải kỹ	kg	15.318,7
	Tổng		**5.747.173,8**

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng)

Chi phí nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu đến từ việc nhập bông để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sợi và khăn. Theo số liệu tại BCTC kiểm toán năm 2020, chi phí nguyên vật liệu chiếm khoảng 77% chi phí giá vốn hàng bán và 75% tổng chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Nguồn nguyên liệu chính đầu vào của quá trình sản xuất các sản phẩm của Công ty là bông nguyên liệu. Bông được Công ty nhập từ thị trường Ấn Độ, Tây Phi, Mỹ, Brazi và một phần từ thị trường bông trong nước. Nguyên liệu sản xuất khăn của Công ty gồm các loại sợi OE do Công ty tự sản xuất. Nhu cầu bông nguyên liệu hàng tháng là 480 tấn/tháng. Nguyên liệu bông cotton được trồng tự nhiên nên mang tính mùa vụ, ví dụ bông Tây Phi có mùa vụ từ tháng 2 đến tháng 4, bông Đông Phi mùa vụ từ tháng 5 đến tháng 8, bông Mỹ từ tháng 10 đến tháng 12 hàng năm. Do đó, giá cả và chất lượng bông cotton phụ thuộc nhiều vào mùa vụ, sản lượng thu hoạch, thời điểm giao hàng hay chính sách bán/xuất khẩu bông của các nước trồng bông lớn trên thế giới.

Giá bông có thể thay đổi nhanh chóng theo ngày do đây là hàng hóa kỳ hạn nên chịu ảnh hưởng nhiều bởi các yếu tố về niềm tin, chính sách...Luôn ý thức được tầm quan trọng của sự ổn định nguồn cung cấp nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất, vì vậy Công ty không ngừng tăng cường tìm kiếm và bổ sung thêm các nhà cung cấp mới. Đồng thời, trong quá trình sản xuất, Công ty cũng cố gắng hạn chế tối đa hao hụt nguyên vật liệu sản xuất nhằm làm giảm sự lãng phí nguồn nguyên vật liệu khi giá nguyên vật liệu biến động, hạn chế những rủi ro về tăng giá nguyên vật liệu.

6.2. Tiêu thụ năng lượng

Điện năng được Công ty sử dụng chủ yếu cho mục đích vận hành máy móc và chiếu sáng tại phân xưởng. Công ty luôn ý thức sử dụng tiết kiệm điện năng theo chương trình mục tiêu Quốc gia về tiết kiệm năng lượng. Bên cạnh đó, việc sử dụng tiết kiệm điện năng cũng là một trong các biện pháp để cắt giảm chi phí sản xuất của Công ty. Trung bình hàng năm, lượng điện năng tiêu thụ của Công ty khoảng 569.535 KWh/năm. Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục đẩy mạnh việc giảm thiểu tiêu thụ điện năng bằng cách tắt các thiết bị điện khi không cần thiết, sử dụng hệ thống chiếu sáng tiết kiệm năng lượng, rà soát lại các máy móc, trang thiết bị điện để tiến hành bảo dưỡng, sửa chữa, đảm bảo các máy móc, thiết bị hoạt động hiệu quả, ít tiêu hao năng lượng.

6.3. Tiêu thụ nước

Hiện nay, Công ty đang sử dụng nguồn nước sạch được cung cấp bởi Công ty TNHH 27-7 Tiền Phong, lượng nước sử dụng bình quân 1 ngày là 13m3/ngày. Công ty tiến hành quy trình tái chế và xử lý nước thải đúng quy định, không gây ảnh hưởng xấu tới môi trường xung quanh.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Công ty luôn tuân thủ đúng quy định, chưa có lần xử phạt vi phạm nào

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Số lượng lao động tính đến 31/12/2020 là 190 người, mức lương trung bình là 7.000.000 đồng/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc không quá 8h/ngày, 48 giờ trong tuần. Tùy theo điều kiện, khối lượng công việc và khả năng thực hiện nhiệm vụ mà tổ chức thực hiện chế độ làm việc 40 giờ trong tuần (05 ngày) nghỉ thứ 7, chủ nhật. Trường hợp phải làm thêm giờ do yêu cầu của sản xuất kinh doanh không quá 04 giờ trong một ngày và 200 giờ trong một năm.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty được nghỉ lễ, tết, nghỉ ốm, thai sản theo quy định của Bộ Luật lao động, cụ thể:

Nghỉ phép năm 12 ngày đối với người làm công việc trong điều kiện bình thường.

Nghỉ phép năm 14 ngày đối với người làm công việc trong điều kiện đặc biệt nặng nhọc độc hại.

Số ngày nghỉ phép được tăng theo thâm niên làm việc tại Công ty, cứ đủ 05 năm được nghỉ thêm 01 ngày, có đủ 30 năm trở lên được nghỉ thêm 06 ngày.

Nghỉ Tết dương lịch 01 ngày; nghỉ Tết âm lịch 05 ngày; nghỉ Giỗ tổ Hùng Vương 01 ngày; nghỉ lễ 30/04 01 ngày; nghỉ ngày Quốc tế lao động 01 ngày; nghỉ Quốc khánh 01 ngày.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát, trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị hỗ trợ công việc. Những CBCNV do yêu cầu công việc phải đi công tác xa sẽ được hưởng phụ cấp công tác phí và thanh toán các khoản phí đi lại, ăn ở theo quy định của pháp luật.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo: Công ty có xây dựng một quy chế đào tạo được công bố công khai tới toàn bộ CBCNV trong Công ty. Quy chế đào tạo được xây dựng phù hợp theo các yêu cầu của công việc. Việc tuyển dụng lao động đảm bảo công khai, công bằng theo quy định của Nhà nước. Tuỳ theo đặc điểm, điều kiện xã hội, yêu cầu sản xuất của Công ty trong từng thời kỳ, khi cân đối lao động thiếu nghề nào Công ty sẽ tuyển dụng nghề đó.

Chính sách lương và thưởng: CBCNV của Công ty được tham gia và hưởng các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, tùy cương vị công tác mà CBCNV công ty còn nhận được phụ cấp liên quan.Việc trả lương của Công ty được thực hiện theo nguyên tắc phân phối theo lao động, làm việc gì, giữ chức vụ gì thì trả lương theo công việc, chức vụ đó. Công ty luôn đảm bảo trả lương thỏa đáng (không hạn chế mức tối đa) đối với người có tài năng, có

trình độ chuyên môn, kỹ thuật và đóng góp nhiều cho đơn vị, nhằm tạo động lực khuyến khích, động viên CBCNV không ngừng phấn đấu tăng năng suất lao động, chất lượng công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Việc trả lương, thưởng luôn đảm bảo dân chủ, công khai.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Mỗi nhân viên mới của Công ty đều trải qua khóa đào tạo hội nhập bao gồm: giới thiệu tổng quan về công ty, văn hóa công ty: Giới thiệu tổng quan về Công ty, văn hóa Công ty, sở đồ tổ chức, thăm quan Công ty, hướng dẫn phương tiện và điều kiện làm việc, lập bảng mô tả công việc và giao nhiệm vụ cho nhân viên mới, hướng dẫn các nội dung liên quan đến công việc được giao...
- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm: 40-60h/nhân viên
- Phân loai nhân viên: Cấp quản lý, cấp chuyên viên, cấp nhân viên và cấp học việc
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Căn cứ nhu cầu đào tạo của Công ty và định hướng phát triển, quy hoạch cán bộ, phòng hành chính nhân sự cùng với các bộ phận chuyên môn xác định nhu cầu đào tạo trong năm. Đối với các bộ phận có nhu cầu đào tạo nhân viên đột xuất thì trưởng bộ phận làm đề nghị trình Tổng Giám đốc phê duyệt và xem xét phê duyệt

  Sau khi kế hoạch đào tạo đã được Tổng Giám đốc phê duyệt, phòng Hành chính nhân sự phối hợp với các bộ phận xác định chương trình đào tạo để phát triển kỹ năng cho người lao động, bao gồm các công việc:

  +Lên lịch đào tạo

  + Thời gian và địa điểm đào tạo

  + Danh sách người tham gia đào tạo

  + Nội dung đào tạo

  + Kinh phí tham gia đào tạo

  + Kết quả đào tạo

Công ty thường xuyên khuyến khích và yêu cầu nhân viên củng cố các kiến thức đã học được, cách thức thực hiện công việc ngay trong quá trình làm việc. Ngoài ra, Công ty còn thực hiện các chương trình hướng dẫn tại chỗ đối với các nhân viên vận hành máy, các chuyên viên, nhân viên bán hàng...

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn cam kết hoạt động vì sự phát triển của cộng đồng nhằm duy trì sự phát triển bền vững và tạo ra tác động tổng thể tích cực đến cộng đồng địa phương. Người lao động tại Công ty được làm việc trong một môi trường an toàn, khỏe mạnh, có cơ hội phát triển. Không chỉ xây dựng môi trường lao động lành mạnh, Công ty còn luôn kịp thời thăm hỏi những lao động bị ốm đau, mắc bệnh hiểm nghèo; động viên, ủng hộ, giúp đỡ các công nhân, gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Do

đó, người lao động luôn yên tâm làm việc và gắn bó lâu dài với Công ty, cùng nhau đoàn kết phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Trong năm 2020, Công ty không tham gia vào thị trường vốn xanh

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2020 được đánh giá là một năm khó khăn của ngành sợi, xuất khẩu giảm sút, giá sợi giảm xuống do ảnh hưởng của căng thẳng chiến tranh thương mại Mỹ - Trung từ trước đó và dịch Covid-19. Trung Quốc vốn là thị trường nhập sợi chủ yếu của Việt Nam nên khi dịch bệnh bùng phát đã gây ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động xuất khẩu sợi của các doanh nghiệp sợi trong nước, trong đó có Công ty.

❖ **Thuận lợi**

- Theo Quy hoạch phát triển ngành Công nghiệp Dệt May Việt Nam đến năm 2015, định hướng đến năm 2020, Bộ Công Thương nêu rõ "phát triển ngành Dệt may trở thành một trong những ngành công nghiệp trọng điểm, mũi nhọn về xuất khẩu; thõa mãn ngày càng cao nhu cầu tiêu dùng trong nước" và "tăng tỷ lệ nội địa hóa". Các giải pháp thị trường bao gồm "Xây dựng chương trình phát triển cây bông, trong đó ưu tiên xây dựng các vùng trồng bông tưới nước tại các tỉnh có tiềm năng; Xây dựng các trung tâm cung ứng nguyên liệu tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các thành phố lớn để cung cấp kịp thời nguyên phụ liệu cho các doanh nghiệp trong ngành". Đây là những tiền đề rất quan trọng cho việc phát triển ngành dệt may và sợi Việt Nam;
- Sản xuất sợi đang có xu hướng dịch chuyển từ Trung Quốc sang các nước đang phát triển khác trong đó có Việt Nam, từ đó có thể tận dụng được cơ hội về tiếp cận nguồn vốn, công nghệ sản xuất, kinh nghiệm quản lý, kinh doanh và lao động có cơ hội được đào tạo, nâng cao tay nghề. Kể từ năm 2012 trở lại đây, ngành dệt may toàn cầu chứng kiến xu hướng dịch chuyển công xưởng sản xuất dệt may ra khỏi Trung Quốc do nước này đang dần đánh mất lợi thế do chi phí nhân công ngày càng cao và bất lợi về thuế nhập khẩu tại một số thị trường;
- Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) có hiệu lực tháng 01/2019 và Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) ký kết hồi tháng 06/2019 được kỳ vọng sẽ mở cánh cửa để hàng Việt Nam tiếp cận thị trường quy mô 1 tỷ người tiêu dùng, chiếm khoảng 40% GDP toàn cầu. Hai hiệp định trên đều có tốc độ cắt giảm thuế nhanh và mạnh, là cơ hội để Việt Nam xuất khẩu các sản phẩm của ngành dệt may đến các thị trường này với mức ưu đãi;

- Cơ hội từ các chính sách của Chinh phủ như việc phê duyệt chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2016 -2025, trong đó có công nghiệp hỗ trợ dệt may với các sản phẩm được ưu tiên phát triển như: xơ thiên nhiên: bông, đay, gai, tơ tằm; chỉ may trong ngành dệt may; hóa chất....
- Công ty có đội ngũ lãnh đạo giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực sợi, gắn bó lâu dài với Công ty; đội ngũ công nhân sản xuất thành thạo; hệ thống máy móc được đầu tư tiên tiến, hiện đại;
- Mạng lưới khách hàng lâu năm, ổn định.

❖ **Khó khăn**

- Dịch COVID-19 đang diễn ra khiến cho các quốc gia áp dụng các biện pháp cách ly xã hội, phong tỏa, hạn chế đi lại nghiêm ngặt làm ảnh hưởng đến việc giao thương giữa các nước, đặc biệt Trung Quốc là quốc gia khởi phát của dịch bệnh cũng là thị trường xuất khẩu chính của Công ty. Ngoài ra, dịch COVID-19 còn ảnh hưởng, tác động đến kinh tế thế giới nói chung làm sụt giảm GDP toàn cầu, nguy cơ gây khủng hoảng kinh tế nghiêm trọng chưa từng có.
- Căng thẳng thương mại Mỹ - Trung ảnh hưởng tới tỷ giá giữa các đồng tiền, giá hàng hóa gia công tại Việt Nam cao hơn so với một số nước trong khu vực như Hàn Quốc, Trung Quốc dẫn tới ảnh hưởng đến các đơn hàng xuất khẩu, đặc biệt với nhóm hàng dệt may. Bên cạnh đó, việc tiêu thụ sợi và nguyên phụ liệu cũng gặp khó khăn vì thị trường xuất khẩu chủ lực là Trung Quốc (chiếm 60%) cắt giảm lượng nhập hàng;
- Để được hưởng lợi từ các hiệp định CPTPP hay FTA thì ngành dệt may phải đáp ứng nghiêm ngặt các quy tắc xuất xứ từ vải, sợi...;
- Đây là ngành sản xuất cần nguồn lực rất lớn, cả về vốn đầu tư cũng như con người; công nghệ trong ngành này cũng khó và liên tục thay đổi, thậm chí liên quan tới bí quyết công nghệ, ít doanh nghiệp có thể làm được;
- Trình độ công nghệ của ngành dệt may nói chung hiện nay vẫn chỉ ở mức trung bình so với thế giới, giá lao động đã không còn là lợi thế của Việt Nam khi mức lương cơ bản bình quân của người lao động đang có xu hướng tăng.
- Khởi đầu năm 2020, các doanh nghiệp dệt may đã trải qua hai tháng đầu năm đối mặt với sự thiếu hụt nguồn cung phụ liệu sản xuất khi Trung Quốc - nhà cung ứng 80% nguyên liệu phải đóng cửa biên giới để dập tắt dịch bệnh. Hiệp hội Dệt may Việt Nam cho biết trong hai tháng đầu năm - giai đoạn 1 của dịch bệnh, đối tượng chịu ảnh hưởng nặng nề là các doanh nghiệp vừa và nhỏ - chuyên sản xuất theo đơn đặt hàng.Đến tháng 3, khi các nhà sản xuất Trung Quốc gượng dậy và khôi phục khoảng 80% hoạt động cung ứng nguyên phụ liệu thì tiếp đến giai đoạn 2 dịch bệnh bùng phát tại Mỹ và châu Âu - hai thị trường chính chiếm hơn 60% tổng kim ngạch xuất khẩu sản phẩm dệt may của Việt Nam.

Trước những khó khăn do tác động của dịch bệnh Covid-19, Ban lãnh đạo Công ty đã kịp thờiáp

dụng các biện pháp ứng phó với diễn biến phức tạp của dịch bệnh như cho nhân viên nghỉ luân phiên vừa để phòng tránh dịch vừa tiết kiệm chi phí trong mùa dịch, cắt giảm tối đa các chi phí không cần thiết trong sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh nội địa nhằm bù đắp sự sụt giảm của doanh thu xuất khẩu do ảnh hưởng của dịch bệnh...Kết quả doanh thu thuần năm 2020 đạt 330,37 tỷ đồng, so với kế hoạch đặt ra là 350 tỷ đồng thì đã hoàn thành 94,39% kế hoạch doanh thu. Lợi nhuận sau thuế năm 2020 đạt 4,75 tỷ đồng, hoàn thành khoảng 40% kế hoạch lợi nhuận.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Bảng 5: Tình hình tài sản của Công ty

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	% tăng (giảm)
I. Tài sản ngắn hạn	**155.933.905.597**	**183.207.669.945**	**17,49**
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	17.472.232.011	100.571.299	(99,42)
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	250.000.000	860.000.000	244
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	67.778.761.543	115.836.742.894	70,9
4. Hàng tồn kho	59.463.848.933	53.779.662.627	(9,56)
5. Tài sản ngắn hạn khác	10.969.063.110	12.630.693.125	15,15
II. Tài sản dài hạn	**149.590.329.264**	**249.096.329.340**	**66,52**
1. Các khoản phải thu dài hạn	2.462.370.000	2.462.370.000	-
2. Tài sản cố định	149.590.329.264	241.224.386.720	61,26
3. Tài sản dở dang dài hạn	748.329.090	182.435.000	(75,62)
4. Tài sản dài hạn khác	3.857.716.569	5.227.137.620	35,5
Tổng cộng tài sản	**312.592.650.520**	**432.303.999.285**	**38,3**

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty)

Tại thời điểm 31/12/2020, tổng giá trị tài sản của Công ty là 432,2 tỷ đồng, tăng 119,71 tỷ đồng so với thời điểm cuối năm 2019, tương ứng với tốc độ tăng 38,3%. Trong đó, tài sản ngắn hạn tăng 17,49% và tài sản dài hạn tăng 66,52%.

b) Tình hình nợ phải trả

Bảng 6: Tình hình nợ phải trả của Công ty

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	% tăng (giảm)
I. Nợ ngắn hạn	**84.595.127.459**	**148.459.107.426**	**75,49**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	595.060.218	48.580.736.629	8.064
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	5.926.676.072	1.644.454.760	(72,25)
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.099.276.365	1.240.133.037	(40,93)
4. Phải trả người lao động	913.082.378	1.336.265.358	46,35
5. Chi phí phải trả ngắn hạn khác	212.688.494	277.034.800	30,25
6. Phải trả ngắn hạn khác	-	11.640.000	-
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	74.848.340.932	95.368.842.842	27,42
II. Nợ dài hạn	**88.235.623.596**	**139.329.992.643**	**57,91**
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	88.235.623.596	139.329.992.643	57,91
Tổng nợ phải trả	**172.830.751.055**	**287.789.100.069**	**66,51**

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty)

Nợ phải trả cuối năm 2020 là 287,79 tỷ đồng, tăng 114,96 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2019, tương ứng với tốc độ tăng 66,51%. Trong đó, nợ ngắn hạn và nợ dài hạn đều tăng với tốc độ tăng tương ứng là 75,49% và 57,91%. Công ty không có các khoản nợ phải trả quá hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Tiến hành rà soát, bố trí, sắp xếp lại các phòng ban, công đoạn cho phù hợp, trên nguyên tắc gọn nhẹ. Tiến hành đánh giá 100% cán bộ quản lý để phục vụ công tác hoạch định nhân sự
- Tăng cường bộ máy kiểm soát chất lượng, đẩy mạnh việc kiểm tra tính tuân thủ tại cơ quan và đánh giá chất lượng tại các công đoạn
- Điều chỉnh hệ thống chức danh, sửa đổi, bổ sung các quy định về đánh giá năng lực phù hợp với tình hình mới
- Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua đóng góp ý tưởng sáng kiến trong quản lý sản xuất, vận hành máy móc...

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Bảng 7: Kế hoạch phát triển trong tương lai

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021
1. Sản lượng sản xuất			

- Sợi	Tấn	4.684	9.500
- Khăn	Tấn	18	50
2. Doanh thu thuần	Đồng	330.366.228.794	500.000.000.000
3. Lợi nhuận sau thuế	Đồng	4.752.999.751	7.000.000.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng)

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Ban Tổng Giám đốc đánh giá cao tinh thần trách nhiệm của Công ty với các vấn đề môi trường. Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm bảo vệ môi trường và hạn chế tối đa lượng chất thải ra môi trường.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Ban Tổng Giám đốc đánh giá cao tinh thần trách nhiệm của Công ty trong việc bảo vệ quyền lợi của người lao động. Công ty luôn đảm bảo các quyền lợi của người lao động theo đúng quy định của Bộ Luật lao động và các Hợp đồng lao động đã thỏa thuận, ký kết.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Ban Tổng Giám đốc đánh giá cao trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng địa phương. Trong những năm vừa qua, Công ty đã có những đóng góp không nhỏ vào GDP của địa phương. Đồng thời, Công ty đã tạo công ăn việc làm và duy trì công việc ổn định cho lượng lớn lao động tại địa phương và một số khu vực lân cận trong thời điểm dịch bệnh khó khăn.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Hội đồng quản trị đánh giá cao các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2020 vừa qua. Công ty đã kịp thời phản ứng, xử lý và thích ứng tốt trước những biến động lớn của thế giới và trong nước. Bên cạnh đó, Công ty cũng tích cực tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường và các hoạt động xã hội.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Căn cứ Điều lệ, các quy chế và quy định đã ban hành, HĐQT giao quyền cho Ban Tổng Giám đốc quyết định các công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty đồng thời tổ chức thực hiện các quyết định, kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động của HĐQT và ĐHĐCĐ giao cho. Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát bằng các báo cáo định kỳ mỗi quý về các kế hoạch kinh doanh, tình hình hoạt động của Công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, HĐQT đánh giá Tổng Giám đốc/Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT đồng thời thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa

của Công ty và cổ đông.

Tuy kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh đặt ra trong năm 2020 chưa đạt song Ban Tổng Giám đốc đã rất nỗ lực trong các công tác triển khai các hoạt động quản trị điều hành. Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc cũng thực hiện tốt việc xây dựng môi trường kinh doanh dựa trên nền tảng phát triển bền vững, nâng cao công tác quản trị Công ty, nâng cao vai trò quản trị và kiểm soát rủi ro.

Trong năm 2020, HĐQT Công ty đã thực hiện giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc khi thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT như sau:

- HĐQT kết hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát để nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty, từ đó có các kiến nghị giúp Tổng Giám đốc/Ban Tổng Giám đốc hoàn thành tốt nhiệm vụ do ĐHĐCĐ và HĐQT giao
- Định kỳ, đại diện BKS báo cáo tại các cuộc họp HĐQT tình hình quản lý sản xuất kinh doanh tại các bộ phận/đơn vị trong Công ty; các rủi ro trọng yếu được phát hiện trong quý đồng thời đưa ra kế hoạch hành động để khắc phục và giảm thiểu rủi ro; báo cáo các cuộc kiểm toán đã thực hiện trong quý, trong đó nêu rõ các phát hiện kiểm toán và giải pháp khắc phục
- Đình kỳ nghe Tổng Giám đốc báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện các chỉ tiêu được giao trong các cuộc họp HĐQT, kịp thời phát hiện những bất cập, khó khăn để đưa ra hướng giải quyết
- HĐQT ban hành các nghị quyết sau các cuộc họp định kỳ và theo yêu cầu để thông qua kết quả kinh doanh từng quý, nhận định thị trường để rà soát lại kế hoạch kinh doanh quý tiếp theo và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT để Tổng Giám đốc/Ban Tổng Giám đốc có cơ sở triển khai thực hiện. Các nghị quyết của HĐQT trong năm 2020

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Kế hoạch trong năm 2021

  + Xây dựng Công ty vững mạnh, hoạt động hiệu quả trên cơ sở sử dụng hợp lý các nguồn lực, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường

  + Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý kinh doanh và chuyên gia giỏi

- Định hướng thực hiện

  + Về tài chính: đa dạng hóa nguồn vốn, đảm bảo chi phí vốn ở mức thấp, đảm bảo sử dụng vốn an toàn, hiệu quả và bền vững

  + Về nhân sự: Xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, chú trọng công tác tuyển dụng và đào tạo, xây dựng văn hóa doanh nghiệp rõ nét, nâng cao ý thức và kỹ thuật của người lao động, tăng năng suất lao động

  + Về kinh doanh: luôn theo dõi sự biến động của thị trường, linh hoạt trong xử lý tình huống, mở rộng, đa dạng thị trường tiêu thụ và phát triển khách hàng

+ Về công nghệ: Đối với các dây chuyền cần thay thế hoặc các dự án đầu tư mới, thực hiện đầu tư công nghệ mới, hiệu suất cao, sử dụng năng lượng thấp, tính tăng tự động hóa cao

+ Về quản trị điều hành: Nâng cao năng lực điều hành của ban quản lý, ban hành các quy định, quy chế rõ ràng, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả, bền vững.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ tên	Chức vụ tại Công ty	Số lượng cổ phần sở hữu		Chức vụ quản lý tại các Công ty khác (nếu có)
			Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	
1	Mai Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	30.000	0,23	Không có
2	Vũ Tuấn Phương	Thành viên HĐQT điều hành	6.579.000	51,00	Không có
3	Hoàng Thu Hương	Thành viên HĐQT	30.000	0,23	Không có
4	Vũ Anh Lưỡng	Thành viên HĐQT không điều hành	0	0,00	Không có
5	Nguyễn Thị Mai	Thành viên HĐQT độc lập	350	0,003	Không có

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2020, HĐQT của Công ty đã nỗ lực chỉ đạo, giám sát chặt chẽ, kịp thời đối với hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các mục tiêu chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra, cụ thể:

- HĐQT duy trì hoạt động thường xuyên theo quy định tại Điều lệ Công ty, đảm bảo yêu cầu về số lượng cuộc họp cũng như số thành viên tham dự, tính pháp lý và hiệu quả cuộc họp
- HĐQT giám sát việc thực hiện các quyết định của HĐQT và nghị quyết của ĐHĐCĐ
- Các cuộc họp của HĐQT trong năm 2020:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	06.01/2020/NQ-HĐQT-VĐ	06/01/2020	Thông qua việc thuê đơn vị lắp đặt trạm xử lý nước thải	100%
2	18.02/2020/NQ-HĐQT-VĐ	18/02/2020	Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2020	100%
3	05.03/2020/NQ-HĐQT-VĐ	05/03/2020	Thông qua việc đầu tư mua sắm máy móc thiết bị	100%
4	16.4/2020/NQ-HĐQT-VĐ	16/4/2020	Thông qua việc đăng ký cổ phiếu để lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch cổ phiếu trên Sở giao	100%

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			dịch chứng khoán Tp Hồ Chí Minh	
5	20.4-1/2020/NQ-HĐQT-VĐ	20/4/2020	Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT	100%
6	20.4-2/2020/NQ-HĐQT-VĐ	20/4/2020	Bầu Chủ tịch HĐQT	100%
7	27.4/2020/NQ-HĐQT	27/4/2020	Quyết định ban hành Quy chế công bố thông tin	100%
8	18.6/2020/NQ-HĐQT-VĐ	28/06/2020	Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020	100%
9	16.7/2020/NQ-HĐQT-VĐ	16/7/2020	Quyết định về việc thay đổi kế toán trưởng	100%
10	22.7/2020/NQ-HĐQT-VĐ	22/7/2020	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020	100%
11	01.10/2020/NQ-HĐQT-VĐ	01/10/2020	Quyết định đưa tài sản cố định vào sử dụng	100%
12	27.10/2020/NQ-HĐQT-VĐ	27/10/2020	Thông qua việc nâng hạn mức tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng Công thương – Chi nhánh Thái Bình	100%
13	21.12/2020/NQ-HĐQT-VĐ	21/12/2020	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2020 và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021	100%

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Thành viên HĐQT độc lập đã tích cực tham gia vào hoạt động quản trị Công ty nói chung cũng như Ban Tổng Giám đốc nói riêng, đưa ra những đánh giá, ý kiến khách quan nhằm mục tiêu chung là kiện toàn công tác quản trị công ty; đồng thời hoàn thành các nhiệm vụ của HĐQT do ĐHĐCĐ giao phó.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	
			Số lượng	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Đoàn Thị Vui	Trưởng BKS	350	0,003

2	Phạm Thị Phượng	Thành viên BKS	100	0,001
3	Nguyễn Linh Chi	Thành viên BKS	0	0,00

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Năm 2020, Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ giám sát hoạt động quản lý điều hành Công ty đảm bảo nguyên tắc khách quan, trung thực, cụ thể:

- Giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020, các quyết định của Hội đồng quản trị
- Tham gia kiểm tra hoạt động báo cáo tài chính định kỳ nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính
- Phối hợp với phòng Tài chính kế toán tham gia công tác kiểm kê định kỳ vào cuối thời điểm báo cáo
- Luôn được hỗ trợ, tạo điều kiện của HĐQT và các phòng ban trong Công ty để hoàn thành công tác kiểm soát trong năm

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ tên	Chức vụ	Thù lao/năm
1	Vũ Tuấn Phương	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	440.900.000
2	Mai Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	195.500.000
3	Vũ Hoàng Nam	Phó Tổng Giám đốc, Người được ủy quyền CBTT	195.500.000
4	Hoàng Thị Hương	Thành viên HĐQT	166.700.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Đơn vị tính: đồng

Đối tượng	Mối quan hệ với Công ty	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch
Ông Vũ Tuấn Phương	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	Tạm ứng	300.000.000
		Hoàn ứng	300.000.000

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Năm 2020, Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị Công ty như công bố thông tin, xây dựng Điều lệ, Quy chế quản trị,... Bên cạnh đó, các cán bộ cũng thường xuyên cập

nhật các thay đổi trong quy định của pháp luật về quản trị để thực hiện bổ sung, điều chỉnh các quy định về quản trị Công ty theo đúng các quy định của pháp luật.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán và được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 25/3/2021 tại đường dẫn https://vudang.vn/quan-he-co-dong/thong-tin-tai-chinh/.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0600986828 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI VŨ ĐĂNG
H. ĐÔNG HƯNG T. THÁI BÌNH

VŨ TUẤN PHƯƠNG